

Số: 17/2025/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 10 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC, Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 505/BC-BKTNS ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ chương trình nếu có) từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước đảm bảo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.



b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

3. Mức chi: Tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động tổ chức, Nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 11 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2025. /

Nơi nhận: *Ruop*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng tải trên cổng thông tin điện tử);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH



Tôn Ngọc Hạnh



Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:		Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	500	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)	Ghi chú
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:			
	- Nhiệm vụ	Báo cáo	5.000	
	- Dự án	Báo cáo	10.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	600	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	500	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	500	



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (1.000 đồng)		Ghi chú
	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	300		
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	150		
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350		
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ				
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:				
	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	400		
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200		
8.2	Nghiệm thu dự án:				
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	700		
	Thành viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	400		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	500		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400		
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150		
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.		
10	Chi giải thưởng môi trường:		Cấp tỉnh	Cấp xã	
a)	Tổ chức				 <i>Áp dụng theo mức khung tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i>
	Giải nhất	Giải	13.500	7.800	
	Giải nhì	Giải	9.450	5.400	
	Giải ba	Giải	6.750	3.950	
	Giải khuyến khích	Giải	4.050	2.400	
	Giải phụ	Giải	675	490	
b)	Cá nhân				
	Giải nhất	Giải	8.100	5.300	
	Giải nhì	Giải	4.050	2.400	
	Giải ba	Giải	3.400	1.500	
	Giải khuyến khích	Giải	1.350	780	